

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 8,1 - NĂM HỌC 2024 - 2025



MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Ghi chú
8140	7.1	1	Phạm Gia	Bảo		9	Tốt	Tốt	
		2	Võ Thế	Danh					BT
8157	7.1	3	Võ Hoàng	Dung	x	9,8	Tốt	Tốt	
8147	7.1	4	Võ Việt	Dũng		7,8	Khá	Tốt	BT
8168	7.1	5	Nguyễn Bảo	Duy		7,7	Khá	Tốt	
8180	7.1	6	Lưu Đình Minh	Đăng		9,8	Tốt	Tốt	
8181	7.1	7	Trần Ngọc Hiếu	Hạnh	x	9,3	Tốt	Tốt	BT
8185	7.1	8	Phạm Minh	Hạnh	x	9,7	Tốt	Tốt	
8210	7.1	9	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Hân	x	9,4	Tốt	Tốt	
8196	7.1	10	Huỳnh Trung	Hậu		9	Tốt	Tốt	
8197	7.1	11	Chung Phú	Hiệp		9,5	Tốt	Tốt	BT
8207	7.1	12	Liêu Triển	Hùng		9,4	Tốt	Tốt	BT
8227	7.1	13	Trần Gia	Huy		9,1	Tốt	Tốt	
8297	7.1	14	Lê Đức	Kiên		8,9	Tốt	Tốt	BT
8296	7.1	15	Trần Gia	Kiên		9,4	Tốt	Tốt	BT
8287	7.1	16	Đoàn Nhân	Kiệt		9,5	Tốt	Tốt	
8242	7.1	17	Võ Diệp Thiên	Kim	x	9,4	Tốt	Tốt	
8232	7.1	18	Bùi Gia	Khang		9,2	Tốt	Tốt	
8253	7.1	19	Tướng Sinh Hoàng	Khang		9,7	Tốt	Tốt	
8257	7.1	20	Nguyễn Minh	Khang		9,1	Tốt	Tốt	BT
8275	7.1	21	Lê Hoàng Kim	Khánh	x	9,6	Tốt	Tốt	BT
8261	7.1	22	Phan Thị Ngọc	Khánh	x	9,5	Tốt	Tốt	BT
8234	7.1	23	Nguyễn Mạnh	Khiêm		9,9	Tốt	Tốt	BT
8267	7.1	24	Lê Anh	Khoa		7,6	Khá	Tốt	BT
8281	7.1	25	Nguyễn Đăng	Khoa		8,8	Tốt	Tốt	
8276	7.1	26	Phạm Minh	Khôi		9,4	Tốt	Tốt	BT
8292	7.1	27	Hoàng Mai	Lan	x	9,8	Tốt	Tốt	
8279	7.1	28	Trần Thị Xuân	Mai	x	9,4	Tốt	Tốt	
8336	7.1	29	Liêu Gia	Mẫn	x	9,6	Tốt	Tốt	
8340	7.1	30	Nguyễn Hoàng	Minh		8,5	Tốt	Tốt	
9016	7.1	31	Phạm Quang	Minh		9,6	Tốt	Tốt	BT
8357	7.1	32	Lê Thanh	Nga	x	9,8	Tốt	Tốt	
8331	7.1	33	Biện Nguyễn Hải	Ngân	x	9,5	Tốt	Tốt	
8376	7.1	34	Ngô Bảo	Ngọc	x	9,6	Tốt	Tốt	
8352	7.1	35	Mai Nguyễn Khánh	Ngọc	x	9,7	Tốt	Tốt	BT
8381	7.1	36	Trần Nguyễn Khánh	Ngọc	x	9,5	Tốt	Tốt	
8351	7.1	37	Lê Minh	Ngọc	x	9,5	Tốt	Tốt	
8369	7.1	38	Huỳnh Thanh	Ngọc	x	9,4	Tốt	Tốt	BT
8408	7.1	39	Trần Khôi	Nguyên		9,6	Tốt	Tốt	
8389	7.1	40	Bành Nguyễn Thảo	Nguyên	x	9,5	Tốt	Tốt	BT
8432	7.1	41	Huỳnh Mai	Phương	x	9,4	Tốt	Tốt	
8424	7.1	42	Vũ Hoàng Minh	Phương		8,8	Tốt	Tốt	BT
		43	Lưu Cao Đăng	Quang					
8431	7.1	44	Trịnh Ngọc	Quân	x	8,9	Tốt	Tốt	
8444	7.1	45	Liên Vỹ	Quyền		7,6	Khá	Tốt	
8518	7.1	46	Lục Quốc	Tuấn		8,2	Khá	Tốt	
8473	7.1	47	Đoàn Đức	Thịnh		9,3	Tốt	Tốt	
8479	7.1	48	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	x	9	Tốt	Tốt	

240824

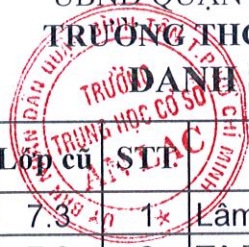
DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 8.2 - NĂM HỌC 2024 - 2025

MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Ghi chú
8093	7.2	1	Kiều Phương	An	x	9,6	Tốt	Tốt	HSXS
8095	7.2	2	Đỗ Phương	Anh	x	9,5	Tốt	Tốt	HSXS
8109	7.2	3	Khấu Hoàng	Ân		9,1	Tốt	Tốt	HSXS
8153	7.2	4	Phan Công	Đạt		9,5	Tốt	Tốt	HSXS
8203	7.2	5	Nguyễn Huỳnh Ngân	Hà	x	9,1	Tốt	Tốt	HSG
8177	7.2	6	Nguyễn Ngọc	Hằng	x	8,4	Khá	Tốt	
8182	7.2	7	Nguyễn Gia	Hân	x	9,6	Tốt	Tốt	HSXS
8192	7.2	8	Mai Văn	Hòa		7,8	Khá	Tốt	
8202	7.2	9	Trần Minh	Hoàng		9,1	Tốt	Tốt	HSXS
8235	7.2	10	Nguyễn Minh	Huy		8,3	Khá	Tốt	
8236	7.2	11	Nguyễn Quỳnh	Hương	x	9	Tốt	Tốt	HSG
8262	7.2	12	Nguyễn An	Khang		9,4	Tốt	Tốt	HSXS
7261	7.2	13	Võ Đăng	Khoa		8,7	Khá	Tốt	
8270	7.2	14	Trần Nguyễn Đăng	Khôi		8,6	Tốt	Tốt	HSG
8321	7.2	15	Đình Thiên	Long		7,9	Khá	Tốt	
8320	7.2	16	Võ Thành	Lộc		9,6	Tốt	Tốt	HSXS
8341	7.2	17	Nguyễn Bình	Minh		8,7	Tốt	Tốt	HSG
8314	7.2	18	Trần Chí An	Nam		8,6	Khá	Tốt	
8335	7.2	19	Phạm Huỳnh Kim	Ngân	x	9,1	Tốt	Tốt	HSXS
8368	7.2	20	Lưu Kim	Ngân	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
8360	7.2	21	Phan Kim	Ngân	x	7,4	Khá	Tốt	
8343	7.2	22	Lê Ngọc Thiên	Nghi	x	9,1	Tốt	Tốt	HSG
8367	7.2	23	Nguyễn Hoàng Xuân	Nghi	x	9,1	Tốt	Tốt	HSXS
8388	7.2	24	Trần Bảo	Ngọc	x	9,3	Tốt	Tốt	HSXS
8370	7.2	25	Tô Thị Bích	Ngọc	x	9,4	Tốt	Tốt	HSXS
8387	7.2	26	Trần Thị Như	Ngọc	x	9,3	Tốt	Tốt	HSXS
8313	7.2	27	Bùi Nguyễn Thanh	Ngọc	x	9,1	Tốt	Tốt	HSG
8372	7.2	28	Đỗ Lan	Nhi	x	9,2	Tốt	Tốt	HSXS
8410	7.2	29	Trần Nguyễn Phương	Nhi	x	8,5	Tốt	Tốt	HSG
8429	7.2	30	Trần Minh	Phú		9,3	Tốt	Tốt	HSXS
8359	7.2	31	Nguyễn Quang	Phú		8	Khá	Tốt	
8438	7.2	32	Trần Hoàng	Phúc		7,6	Khá	Tốt	
8434	7.2	33	Nguyễn Lê	Quốc		8,6	Tốt	Tốt	HSG
8458	7.2	34	Nguyễn Thái	Sơn		9,6	Tốt	Tốt	HSXS
8416	7.2	35	Phan Phú	Tài		8,1	Khá	Tốt	
8533	7.2	36	Trịnh Nguyễn Ngọc	Tuyền	x	9,1	Tốt	Tốt	HSG
8519	7.2	37	Phạm Thanh	Tuyền	x	9,1	Tốt	Tốt	HSG
8459	7.2	38	Trần Quốc	Thành		8,7	Tốt	Tốt	HSG
8468	7.2	39	Nguyễn Phúc	Thắng		9,4	Tốt	Tốt	HSXS
8499	7.2	40	Phạm Quốc	Triệu		9	Tốt	Tốt	HSG
8545	7.2	41	Trần Nguyễn Kim	Xuân	x	9	Tốt	Tốt	HSG
8543	7.2	42	Nhan Ngọc Như	Ý	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 8.3 - NĂM HỌC 2024 - 2025 (Lớp bán trú)

MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lục	Hạnh kiểm	Ghi chú
8099	7.10	1	Huỳnh Luân	An		6,4	Đạt	Tốt	
8103	7.10	2	Nguyễn Quốc	Anh		8,3	Tốt	Tốt	HSG
8113	7.10	3	Võ Trần Tú	Anh	x	8,4	Khá	Tốt	
8115	7.10	4	Diệp Thiên	Bảo		8,4	Khá	Tốt	
		5	Hoàng Trần Gia	Bảo	x				Chuyển đến 24-25
8124	7.10	6	Trần Gia	Bích	x	8,2	Khá	Tốt	
8135	7.10	7	Vũ Phan Bảo	Châu	x	8,4	Khá	Tốt	
8141	7.10	8	Ngô Ngọc	Diệp	x	7,2	Đạt	Tốt	
8162	7.10	9	Huỳnh Phạm Thùy	Dương	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
8195	7.10	10	Lưu Khải	Đức		7,4	Khá	Tốt	
8206	7.10	11	Trần Thượng	Hào		8,9	Tốt	Tốt	HSXS
8201	7.10	12	Bùi Nguyễn Quốc	Hiển		9,4	Tốt	Tốt	HSXS
8217	7.10	13	Nguyễn Quang	Huy		8,3	Khá	Tốt	
8240	7.10	14	Hồ Thanh	Huyền	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
8243	7.10	15	Lê Minh	Khang		9,2	Tốt	Tốt	HSXS
8215	7.10	16	Phạm Ninh	Khang		9,1	Tốt	Tốt	HSXS
8251	7.10	17	Bùi Trọng	Khang		7,7	Khá	Tốt	
8280	7.10	18	Vòng Tuấn	Khang		8	Khá	Tốt	
8241	7.10	19	Lê Nguyễn Đăng	Khoa		8,3	Khá	Tốt	
8290	7.10	20	Nguyễn Nhất	Lam	x	7,8	Khá	Tốt	
8308	7.10	21	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	x	6,5	Đạt	Tốt	
8309	7.10	22	Nguyễn Anh	Linh		9,2	Tốt	Tốt	HSXS
8349	7.10	23	Phóng Huỳnh Bảo	My	x	7,9	Khá	Tốt	
8547	7.7	24	Liên Tuyết	My	x	7,7	Khá	Tốt	
8361	7.10	25	Huỳnh Kim	Ngân	x	8,2	Khá	Tốt	
8322	7.10	26	Nguyễn Kim	Ngân	x	7,1	Đạt	Tốt	
		27	Nguyễn Hoàng Bảo	Nhi	x				Chuyển đến 24-25
8488	7.10	28	Trần Thái	Toàn		8	Khá	Tốt	
8463	7.10	29	Nguyễn Trần Minh	Thuận		7,8	Khá	Tốt	
8474	7.10	30	Ngô Minh	Thư	x	7,7	Khá	Tốt	
8484	7.10	31	Phạm Hoài	Thương	x	7,5	Khá	Tốt	
8489	7.10	32	Nguyễn Trọng	Trí		9	Tốt	Tốt	HSG
8504	7.10	33	Võ Minh	Triết		9,5	Tốt	Tốt	HSXS
8512	7.10	34	Cam Huỳnh Ái	Trinh	x	6,4	Đạt	Tốt	
8481	7.10	35	Mã Hoàng	Trinh	x	8,6	Tốt	Tốt	HSG
8544	7.10	36	Đỗ Phúc	Vinh		6,9	Đạt	Tốt	
8539	7.10	37	Đặng Ngọc Thảo	Vy	x	8,1	Khá	Tốt	
15726	7.10	38	Lý Ngọc Tường	Vy	x	7	Đạt	Tốt	
8540	7.10	39	Hồ Nguyệt	Yến	x	8,6	Khá	Khá	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 8.4 - NĂM HỌC 2024 - 2025



MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lục	Hành kiểm	Ghi chú
8105	7.3	1	Lâm Kim	Anh	x	6,7	Đạt	Tốt	
8114	7.3	2	Tô Thị Trâm	Anh	x	8,4	Tốt	Tốt	HSG
8106	7.3	3	Nguyễn Hà Tú	Anh	x	9	Tốt	Tốt	HSG
8139	7.3	4	Dương Gia	Bảo		8	Khá	Tốt	
8126	7.3	5	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo		6,8	Đạt	Tốt	
8133	7.3	6	Nguyễn Ngọc Nguyệt	Cát	x	9,5	Tốt	Tốt	HSXS
7477	7.3	7	Nguyễn Ngọc	Diệp	x	7,7	Khá	Tốt	
8151	7.3	8	Nguyễn Quang Trí	Dũng		8,5	Tốt	Tốt	HSG
8169	7.3	9	Trần Hữu	Duy		7,4	Khá	Tốt	
8170	7.3	10	Đào Nguyễn Thùy	Dương	x	8,6	Khá	Tốt	
8190	7.3	11	Thàm Chí	Đạt		8,6	Tốt	Tốt	HSG
8209	7.3	12	Lê Ngọc	Giàu		8,6	Tốt	Tốt	HSG
8200	7.3	13	Nguyễn Trần Bảo	Hân	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
8249	7.3	14	Mai Bùi Hiếu	Huy		8,5	Tốt	Tốt	HSG
8288	7.3	15	Lê Tuấn	Kiệt		9,2	Tốt	Tốt	HSXS
8268	7.3	16	Lê Duy	Khánh		8,6	Tốt	Tốt	HSG
8269	7.3	17	Nguyễn Phúc Đăng	Khoa		8,7	Tốt	Tốt	HSG
8289	7.3	18	Nguyễn Phương	Linh	x	8,4	Khá	Tốt	
8307	7.3	19	Nguyễn Xuân	Linh	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
8327	7.3	20	Huỳnh Văn	Long		9,3	Tốt	Tốt	HSXS
8311	7.3	21	Huỳnh Quốc	Lượng		8,1	Khá	Tốt	
7588	7.3	22	Từ Nguyễn Hoàng	Minh		6,5	Đạt	Tốt	
8326	7.3	23	Trần Quốc	Minh		8,9	Tốt	Tốt	HSG
8350	7.3	24	Trần Thị Thảo	My	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
8346	7.3	25	Bùi Phương	Nghi	x	8,6	Tốt	Tốt	HSG
8366	7.3	26	Trần Phúc Hạnh	Nguyên	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
8374	7.6	27	Nguyễn Ngọc Thanh	Nhàn	x	8,5	Tốt	Tốt	HSG
8371	7.3	28	Phan Hữu	Nhân		9,8	Tốt	Tốt	HSXS
8332	7.8	29	Nguyễn Thiện	Nhân		7,2	Đạt	Khá	
8386	7.3	30	Nguyễn Huỳnh	Như	x	9,2	Tốt	Tốt	HSXS
8406	7.3	31	Phùng Đại	Phát		8,7	Khá	Tốt	
8391	7.3	32	Nguyễn Tấn	Phát		6,6	Đạt	Tốt	
8364	7.8	33	Hàng Lâm Gia	Phong		7,6	Khá	Khá	
8411	7.3	34	Nguyễn Thị Ngọc	Phúc	x	9,5	Tốt	Tốt	HSXS
8425	7.3	35	Trần Thái Kim	Phương	x	8,1	Khá	Tốt	
8433	7.3	36	Trương Nhã	Quân	x	9,5	Tốt	Tốt	HSXS
8443	7.3	37	Nguyễn Quang	Quyền		7,9	Khá	Tốt	
8453	7.3	38	Lý Minh	Tâm		8	Khá	Tốt	
8470	7.3	39	Đỗ Nguyễn Nhã	Thư	x	9	Tốt	Tốt	HSG
8487	7.3	40	Khưu Khánh	Thy	x	7,3	Đạt	Tốt	
8507	7.3	41	Lâm Hoàng Bảo	Trân	x	7,6	Khá	Tốt	
8510	7.3	42	Trương Quỳnh	Trân	x	6,2	Đạt	Tốt	
8527	7.3	43	Trần Ngọc Phương	Trinh	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
8508	7.3	44	Phan Thành	Trung		7,3	Khá	Tốt	
8530	7.3	45	Phạm Hoàng	Việt		8,6	Tốt	Tốt	HSG
8550	7.3	46	Lê Quỳnh Như	Ý	x	8,3	Khá	Tốt	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 8.5 - NĂM HỌC 2024 - 2025



MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Ghi chú
8120	7.4	1	Nguyễn Khoa Diệu	Anh	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
8100	7.4	2	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	x	8,2	Khá	Tốt	
8092	7.4	3	Huỳnh Nguyễn Lan	Anh	x	8,5	Tốt	Tốt	HSG
8101	7.4	4	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	x	9,2	Tốt	Tốt	HSG
8119	7.4	5	Nguyễn Lê Tuấn	Anh		9,1	Tốt	Tốt	HSXS
8110	7.4	6	Lâm Gia	Bảo		8	Khá	Tốt	
8129	7.4	7	Trịnh Trần Thư	Các	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
8142	7.4	8	Lý Cẩm	Cường		6,5	Đạt	Đạt	
8159	7.4	9	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	x	7,4	Khá	Tốt	
8160	7.4	10	Vòng Bội	Doanh	x	7,1	Đạt	Tốt	
8179	7.4	11	Trần Hoàn	Duyên	x	8,1	Khá	Tốt	
8199	7.4	12	Nghiêm Gia	Hân	x	9,3	Tốt	Tốt	HSG
8172	7.4	13	Danh Ngọc Hân	Hân	x	8,5	Khá	Tốt	
8187	7.4	14	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	x	7,5	Khá	Tốt	
8230	7.4	15	Nguyễn Minh	Hoàng		8,8	Tốt	Tốt	HSG
8220	7.4	16	Mã Nguyễn Gia	Huy		8,9	Tốt	Tốt	HSG
7351	7.4	17	Nguyễn Nhất	Kha		6,3	Đạt	Khá	
8247	7.4	18	Lý Quốc Tuấn	Khang		7,9	Khá	Tốt	
8225	7.8	19	Nguyễn Tuấn	Khang		6	Đạt	Khá	
8259	7.4	20	Võ Ngọc	Lâm		7,3	Đạt	Tốt	
8329	7.4	21	Hồ Phú	Lộc		6,7	Đạt	Tốt	
8348	7.4	22	Tiền Gia	Mẫn	x	7,4	Khá	Tốt	
8330	7.4	23	Lý Huệ	Mẫn	x	9	Tốt	Tốt	HSG
8347	7.4	24	Huỳnh Ngọc Diễm	My	x	8,2	Khá	Tốt	
8318	7.4	25	Phan Lưu Yên	Ngọc	x	8,5	Tốt	Tốt	HSG
8299	7.9	26	Hồ Viễn	Ngọc	x	7,3	Đạt	Khá	
8319	7.4	27	Nguyễn Trọng	Nhân		6,7	Đạt	Tốt	
8339	7.4	28	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	x	7,8	Khá	Tốt	
8409	7.4	29	Loạt Trần Yên	Nhi	x	8,4	Tốt	Tốt	HSG
8428	7.4	30	Lai Ngọc Ý	Như	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
8446	7.4	31	Lý Nhã	Phương	x	7,8	Khá	Tốt	
8450	7.4	32	Chung Hữu	Sơn		8,4	Tốt	Tốt	HSG
8513	7.4	33	Lê Đức	Tuấn		9,3	Tốt	Tốt	HSXS
8509	7.4	34	Tô Nguyễn Duy	Tùng		7,9	Khá	Tốt	
8524	7.4	35	Nguyễn Ngọc Cát	Tường	x	8,6	Tốt	Tốt	HSG
8465	7.4	36	Huỳnh Thanh Phương	Thái		7,8	Khá	Tốt	
14182	7.4	37	Lê Thị Hải	Thảo	x	8,3	Khá	Tốt	
8469	7.4	38	Nguyễn Viết	Thuận		9,5	Tốt	Tốt	HSXS
8441	7.4	39	Nguyễn Thanh	Thùy	x	8,2	Khá	Tốt	
8451	7.4	40	Hồ Hà	Thy	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
8493	7.4	41	Huỳnh Việt Nhã	Trần	x	9,1	Tốt	Tốt	HSG
9027	7.4	42	Trương Tuấn	Triệu		6,5	Đạt	Tốt	
8497	7.4	43	Lê Duy	Trinh		8,1	Khá	Tốt	
8502	7.4	44	Kha Bảo	Vân	x	8,4	Khá	Tốt	
8515	7.4	45	Đái Trí	Vĩ		8,3	Khá	Tốt	
8536	7.4	46	Võ Thanh	Vy	x	9,5	Tốt	Tốt	HSXS
8551	7.4	47	Nguyễn Ngọc Như	Ý	x	9,1	Tốt	Tốt	HSG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 8.6 - NĂM HỌC 2024 - 2025

MHS	Cấp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạng kiểm	Ghi chú
8098	7.5	1	Huỳnh Tuyết	Anh	x	8	Khá	Tốt	
8112	7.5	2	Nguyễn Gia	Bảo		8,7	Tốt	Tốt	HSG
8125	7.10	3	Nguyễn Ngọc Hải	Băng	x	7,5	Khá	Tốt	
8127	7.5	4	Thái Mỹ	Bình	x	9,2	Tốt	Tốt	HSG
8132	7.5	5	Huỳnh Xuân	Cường		7	Đạt	Tốt	
8148	7.10	6	Tăng Doanh	Doanh	x	8	Khá	Tốt	
8152	7.5	7	Phạm Ngọc	Duy		7,2	Đạt	Khá	
8171	7.5	8	Trần Khả	Duyên	x	9,7	Tốt	Tốt	HSXS
8191	7.5	9	Lê Huỳnh	Đức		7	Đạt	Tốt	
8208	7.5	10	Nguyễn Đặng Quỳnh	Giao	x	9,2	Tốt	Tốt	HSG
		11	Nguyễn Hoàng	Hải					CT 24-25
8211	7.5	12	Châu Lâm Gia	Hào		9,1	Tốt	Tốt	HSXS
8194	7.5	13	Đình Ngọc Gia	Hân	x	7,9	Khá	Tốt	
8228	7.5	14	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hân	x	7,1	Đạt	Tốt	
8231	7.5	15	Huỳnh Hữu	Hoàng		7,8	Khá	Tốt	
8248	7.5	16	Đặng Gia	Huy		9,3	Tốt	Tốt	HSXS
8260	7.5	17	Hồ Gia	Huy		6,5	Đạt	Tốt	
8252	7.5	18	Huỳnh Gia	Huy		6,2	Đạt	Khá	
8223	7.5	19	Trần Gia	Huy		8,9	Tốt	Tốt	HSG
8204	7.5	20	Lê Thị Kim	Huyền	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
8277	7.5	21	Phạm Võ Quỳnh	Hương	x	8,2	Khá	Tốt	
8300	7.5	22	Lý Nhã	Kỳ	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
8317	7.5	23	Đào Phương	Linh	x	9,2	Tốt	Tốt	HSXS
8337	7.5	24	Lâu Nghiệp	Minh		9	Tốt	Tốt	HSXS
15718	7.5	25	Võ Thị	Ngân	x	9,8	Tốt	Tốt	HSXS
8377	7.5	26	Kha Thúy	Ngọc	x	8,1	Khá	Tốt	
8400	7.5	27	Trương Khôi	Nguyên		8,2	Khá	Tốt	
8380	7.5	28	Nguyễn Bích Thảo	Nguyên	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
8417	7.5	29	Nguyễn Tâm	Nhi	x	7,7	Khá	Tốt	
8418	7.5	30	Trần Hoàng	Phúc		9	Tốt	Tốt	HSG
8399	7.5	31	Nguyễn Hồng	Phúc		8,3	Khá	Tốt	
8427	7.5	32	Nguyễn Phạm Trúc	Phương	x	9,7	Tốt	Tốt	HSXS
8378	7.5	33	Liêng Đức	Quang		6,6	Đạt	Tốt	
	7.5	34	Huỳnh Phạm Minh	Quyên					HS chuyển đến 24-25
8404	7.5	35	Nguyễn Đức	Tài		7,1	Khá	Tốt	
8452	7.5	36	Kiều Nguyệt	Tâm	x	8,6	Tốt	Tốt	HSG
8449	7.5	37	Giang Thanh	Tâm		8,3	Khá	Tốt	
8525	7.5	38	Tạ Minh	Tuấn		9	Tốt	Tốt	HSG
8466	7.5	39	Liêu Duy Lập	Thành		8,5	Khá	Tốt	
8472	7.5	40	Nguyễn Phước	Thịnh		6,5	Đạt	Tốt	
8485	7.5	41	Kha Thị Khánh	Thy	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
8492	7.5	42	Trịnh Nguyễn Bảo	Trân	x	7,8	Khá	Tốt	
8498	7.5	43	Nguyễn Ngọc Yến	Trân	x	6,3	Đạt	Tốt	
8505	7.5	44	Nguyễn Vũ Phương	Trinh	x	7,8	Khá	Tốt	
8538	7.5	45	Nguyễn Trần Thu	Uyên	x	8,4	Tốt	Tốt	HSG

Bình Tân, ngày 09 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

240824

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 8.7 - NĂM HỌC 2024 - 2025

MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Ghi chú
8091	7.6	1	Lâm Quốc	An		7,5	Khá	Tốt	
8108	7.6	2	Lê Minh	Anh		7,7	Khá	Tốt	
8111	7.6	3	Phạm Ngọc	Ánh	x	9,5	Tốt	Tốt	HSXS
8128	7.6	4	Tăng Gia	Bảo		6,7	Đạt	Tốt	
8137	7.6	5	Trần Long Thiên	Bảo		7,6	Khá	Tốt	
8150	7.6	6	Phó Quốc	Dũng		6,9	Đạt	Tốt	
8166	7.6	7	Trần Khánh	Duy		6,9	Khá	Tốt	
8173	7.6	8	Đặng Ngọc Thùy	Dương	x	8	Khá	Tốt	
8186	7.6	9	Trần Tiến	Đạt		7,8	Khá	Tốt	
8193	7.6	10	Trần Văn	Giàu		6,1	Đạt	Tốt	
9025	7.6	11	Huỳnh Gia	Hân	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
8213	7.6	12	Trương Gia	Hân	x	8,3	Tốt	Tốt	HSG
8229	7.6	13	Trần Anh	Hậu		5,5	Đạt	Tốt	
8219	7.6	14	Nguyễn Minh	Hoàng		6,5	Đạt	Tốt	
8285	7.6	15	Lương Tuấn	Kiệt		7	Đạt	Tốt	
8246	7.6	16	Nguyễn Bá	Khang		6,7	Đạt	Tốt	
8254	7.6	17	Trần Ngọc	Khánh		8,1	Khá	Tốt	
8266	7.6	18	Ngô Hà Anh	Khoa		7,7	Khá	Tốt	
8245	7.6	19	Nguyễn Lê Đăng	Khôi		8,9	Tốt	Tốt	HSG
8305	7.6	20	Nguyễn Tuyết	Linh	x	8,2	Khá	Tốt	
8312	7.6	21	Hồ Triệu	Ly	x	7,7	Khá	Tốt	
8324	7.6	22	Đỗ Giáng	My	x	7	Đạt	Khá	
8333	7.6	23	Đồng Khánh	Ngân	x	8,4	Tốt	Tốt	HSG
8354	7.6	24	Lê Thị Bảo	Ngọc	x	8	Khá	Tốt	
8390	7.6	25	Nguyễn Thảo	Nguyên	x	9,1	Tốt	Tốt	HSXS
8363	7.6	26	Dương Quý	Nhã	x	9,6	Tốt	Tốt	HSXS
7450	7.6	27	Trương Thanh	Nhã	x	5,4	Đạt	Tốt	
8383	7.6	28	Dương Quý	Nhàn	x	9,4	Tốt	Tốt	HSXS
8395	7.6	29	Phạm Minh	Nhật		8,8	Tốt	Tốt	HSG
8402	7.6	30	Hồ Ngọc	Như	x	8,3	Khá	Tốt	
8415	7.6	31	Trang Trúc	Phương	x	9,6	Tốt	Tốt	HSXS
8447	7.10	32	Trần Như	Phương	x	6,4	Đạt	Đạt	
8421	7.6	33	Nguyễn Lê Bảo	Quỳnh	x	9,5	Tốt	Tốt	HSXS
8437	7.6	34	Nguyễn Nhất Thành	Tâm		7,3	Khá	Khá	
8514	7.6	35	Lê Võ Mộng	Tuyết	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
8439	7.6	36	Lê Trần Xuân	Thảo		9,5	Tốt	Tốt	HSXS
8457	7.6	37	Nguyễn Võ Đình	Thọ		7,7	Khá	Tốt	
8460	7.6	38	Huỳnh Thụy Minh	Thư	x	9	Tốt	Tốt	HSG
8477	7.6	39	Nguyễn Ngọc Anh	Thy	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
8483	7.6	40	Nguyễn Hoàng Phu	Trang	x	8,4	Tốt	Tốt	HSG
8494	7.6	41	Nguyễn Hữu	Trí		6,9	Đạt	Tốt	
8503	7.6	42	Nguyễn Phú	Trọng		8,3	Tốt	Tốt	HSG
8523	7.6	43	Châu Phú	Vinh		7,5	Khá	Tốt	
8534	7.6	44	Nguyễn Ngọc Phục Vy		x	9,4	Tốt	Tốt	HSXS

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 8.8 - NĂM HỌC 2024 - 2025



MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Ghi chú
8094	7.7	1	Phạm Phú Gia	An	x	9,2	Tốt	Tốt	HSXS
8104	7.7	2	Lưu Kim	Anh	x	8	Khá	Tốt	
8122	7.7	3	Đặng Chí	Bảo		7,4	Khá	Tốt	
8134	7.7	4	Trần Bảo	Châu	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
8145	7.7	5	Phạm Thành	Danh		7	Đạt	Tốt	
8165	7.7	6	Trần Võ Minh	Duy		7,9	Khá	Tốt	
8154	7.7	7	Đoàn Trần Thiên	Duy		9,2	Tốt	Tốt	HSG
8164	7.7	8	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
8174	7.7	9	Nguyễn Ngọc Linh	Đan	x	7,7	Khá	Tốt	
8184	7.7	10	Vũ Minh	Đạt		7	Đạt	Tốt	
8175	7.7	11	Nguyễn Thành	Đạt		9,3	Tốt	Tốt	HSXS
8167	7.7	12	Lữ Gia	Hào		7,8	Khá	Tốt	
8216	7.7	13	Phan Phiêu	Hạo		8,6	Tốt	Tốt	HSG
8239	7.7	14	Trần Gia	Huy		8,3	Tốt	Tốt	HSG
8274	7.7	15	Trần Vĩnh	Kiệt		8,2	Khá	Tốt	
8256	7.7	16	Võ Văn Hoàng	Khánh		7,5	Khá	Tốt	
8263	7.7	17	Nghiêm Hàn Minh	Khôi		6,9	Đạt	Tốt	
8282	7.7	18	Tống Nguyễn Quỳnh	Lam	x	7,9	Khá	Tốt	
8295	7.7	19	Liu Hiền	Lâm		7,5	Khá	Tốt	
8301	7.7	20	Nguyễn	Lê	x	9,3	Tốt	Tốt	HSXS
8316	7.8	21	Nguyễn Phương	Linh	x	6,8	Đạt	Tốt	
7312	8.3	22	Kim Hồng Minh	Long		5,9	Chưa Đạt	Khá	
8302	7.7	23	Bùi Minh	Lý		7,5	Khá	Tốt	
9036	7.7	24	Nguyễn Thảo	My	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
8315	7.7	25	Mai Thị Trúc	My	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
8356	7.7	26	Tăng Yến	My	x	9,3	Tốt	Tốt	HSXS
8345	7.7	27	Trần Phương	Nghi	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
8365	7.7	28	Trần Phương	Nhã	x	8,6	Tốt	Tốt	HSG
8407	7.7	29	Lại Minh	Nhân		9,4	Tốt	Tốt	HSXS
8385	7.7	30	Lai Sương	Như	x	7	Đạt	Tốt	
8405	7.7	31	Lưu Mai	Phương	x	7,8	Khá	Tốt	
8412	7.7	32	Đặng Thị Trúc	Phương	x	8,1	Khá	Tốt	
8393	7.7	33	Trương Minh	Quý		7,3	Khá	Tốt	
8442	7.7	34	Nguyễn Anh Ngọc	Sơn		7,4	Khá	Tốt	
7326	8.3	35	Trương Hoài	Tâm		6,1	Chưa Đạt	Khá	
8462	7.7	36	Lê Minh	Tiến		8	Khá	Khá	
8482	7.7	37	Trương Minh	Toàn		9,1	Tốt	Tốt	HSXS
8501	7.7	38	Diệp Gia	Tuệ	x	9	Tốt	Tốt	HSG
8516	7.7	39	Nguyễn Khiết	Tường		7,6	Khá	Tốt	
8423	7.7	40	Lê Nguyễn Hồng	Thái		7,4	Khá	Tốt	
8454	7.7	41	Lý Phương	Thảo	x	7,7	Khá	Tốt	
6911	8.4	42	Võ Nguyễn Hoàng	Uyên	x	4,6	Chưa Đạt	Khá	LB
8520	7.7	43	Nguyễn Thế	Vinh		8,3	Tốt	Tốt	HSG
8522	7.8	44	Nguyễn Xuân	Vũ		7,1	Đạt	Tốt	
7512	7.7	45	Trần Lê Kiều	Vy	x	7	Khá	Tốt	
8537	7.7	46	Nguyễn Thị Tường	Vy	x	9,5	Tốt	Tốt	HSXS
8541	7.7	47	Nguyễn Ngọc Kim	Yến	x	8,5	Tốt	Tốt	HSG

MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạnh kiểm	Ghi chú
8097	7.8	1	Đinh Ngọc	Anh	x	8,5	Khá	Tốt	
8102	7.8	2	Mai Hồ Quỳnh	Anh	x	9,2	Tốt	Tốt	
8117	7.8	3	Đoàn Gia	Bảo		9	Tốt	Tốt	
8123	7.8	4	Dương Ngọc	Bích	x	8,9	Tốt	Tốt	
8136	7.8	5	Trịnh Ngọc Minh	Châu	x	6,9	Đạt	Tốt	
8156	7.8	6	Lưu Quốc	Duy		7,6	Khá	Tốt	
8163	7.8	7	Nguyễn Mỹ	Duyên	x	5,9	Đạt	Khá	
15731	7.8	8	Lưu Nguyễn Nhật	Đan	x	7,9	Khá	Tốt	
8176	7.8	9	Bùi Hoàng	Hải		8,9	Tốt	Tốt	
8183	7.8	10	Nhâm Thị Thanh	Hằng	x	9,2	Tốt	Tốt	
8205	7.8	11	Hồ Đức	Huy		6,3	Đạt	Tốt	
8214	7.8	12	Trương Minh	Huy		5,9	Đạt	Tốt	
8212	7.10	13	Thạch Trâm Nhật	Huy		8,1	Khá	Tốt	
8255	7.8	14	Nguyễn Thiên	Kim	x	8,3	Khá	Tốt	
8222	7.8	15	Dương Anh	Khoa		9	Tốt	Tốt	
8265	7.8	16	Trần Hoàng	Lâm		6,8	Đạt	Tốt	
8272	7.8	17	Trần Ngọc	Linh	x	8,9	Tốt	Tốt	
8284	7.8	18	Manh	Lyna	x	9,2	Tốt	Tốt	
8293	7.8	19	Nguyễn Khả	My	x	7,3	Khá	Tốt	
8304	7.8	20	Nguyễn Thị Bích	Ngân	x	5,7	Đạt	Tốt	
8397	7.5	21	Nguyễn Khôi	Nguyên		7,3	Khá	Khá	
8344	7.8	22	Lý Tuyết	Nhi	x	7,6	Khá	Tốt	
8353	7.8	23	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	x	8,7	Tốt	Tốt	
8373	7.8	24	Lê Mỹ	Phương	x	8,2	Khá	Tốt	
8448	7.8	25	Trần Yến	Phương	x	8,9	Tốt	Tốt	
8384	7.8	26	Phan Thanh	Quan		7	Đạt	Khá	
8403	7.8	27	Nguyễn Anh	Tài		9,3	Tốt	Tốt	
8476	7.8	28	Hồ Thị Thủy	Tiên	x	8,8	Khá	Tốt	
8422	7.8	29	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	x	8,2	Khá	Tốt	
8436	7.8	30	Trần Trường	Thịnh		8,2	Khá	Tốt	
8478	7.10	31	Đông Anh	Thơ	x	7,9	Khá	Tốt	
8440	7.8	32	Huỳnh Phương	Thùy	x	7,8	Khá	Tốt	
8456	7.8	33	Nguyễn Ngọc Thanh	Thủy	x	9,1	Tốt	Tốt	
8480	7.8	34	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trâm	x	7,4	Đạt	Tốt	
8500	7.8	35	Trần Lê Thiên	Trúc	x	7,7	Khá	Tốt	
8517	7.8	36	San Song	Uyên	x	8,7	Tốt	Tốt	
9037	7.10	37	Nguyễn Lê	Uyên	x	7,8	Khá	Tốt	
8529	7.8	38	Nguyễn Hoàng Mỹ	Vân	x	8,6	Tốt	Tốt	
8511	7.10	39	Phan Thanh	Vân	x	7,7	Khá	Tốt	
8535	7.8	40	Nguyễn Tường	Vy	x	9,7	Tốt	Tốt	
8549	7.8	41	Nguyễn Ngọc Như	Ý	x	7,2	Đạt	Tốt	
8542	7.8	42	Nguyễn Hoàng	Yến	x	7,4	Khá	Tốt	
8552	7.10	43	Nguyễn Hoàng Phi	Yến	x	8,2	Khá	Tốt	



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 8.10 - NĂM HỌC 2024 - 2025

MHS	Lớp cũ	STT	Họ	Tên	Nữ	DTB	Học Lực	Hạng Kiểm	Ghi chú
8096	7.9	1	Đông Tuấn	Anh		7,4	Khá	Tốt	
8121	7.9	2	Mai Thanh	Bình		9,2	Tốt	Tốt	HSG
8138	7.9	3	Phan Kim	Cương	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
8144	7.9	4	Trần Thanh Tuyết	Diệu	x	8	Khá	Tốt	
8155	7.9	5	Nguyễn	Duy		7,6	Đạt	Tốt	
8158	7.9	6	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	x	8,1	Khá	Tốt	
		7	Võ Duy	Đệ					Học lại
8178	7.9	8	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	x	9,5	Tốt	Tốt	HSXS
8198	7.9	9	Kha Huỳnh Bảo	Hân	x	7,9	Khá	Tốt	
9022	7.9	10	Lâm Nguyễn Gia	Huy		7,2	Khá	Tốt	
8233	7.9	11	Nguyễn Hoàng Minh	Huy		8,9	Tốt	Tốt	HSG
8258	7.9	12	Lưu Tuấn	Kiệt		8,2	Khá	Tốt	
8238	7.9	13	Quách Duy	Khang		7,7	Khá	Tốt	
8283	7.9	14	Hoàng Việt Thứ	Lễ		7,2	Đạt	Tốt	
8294	7.9	15	Huỳnh Phát	Lộc		7,9	Khá	Tốt	
8278	7.9	16	Đoàn Thanh	Lộc		7,2	Đạt	Tốt	
8303	7.9	17	Ngô Hoàng	Minh		7,7	Khá	Tốt	
8323	7.9	18	Phạm Thị Hồng	Ngân	x	8,5	Khá	Tốt	
8334	7.9	19	Hứa Kim	Ngọc	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
8342	7.9	20	Trần Lê Yên	Ngọc	x	7,1	Đạt	Tốt	
8338	7.9	21	Phùng Nguyễn Thanh	Nhi	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
8355	7.9	22	Nguyễn Thị Yên	Nhi	x	6,8	Đạt	Tốt	
8419	7.9	23	Hồ Trần Huỳnh	Như	x	9,1	Tốt	Tốt	HSG
8362	7.9	24	Trương Thị Quỳnh	Như	x	8,5	Tốt	Tốt	HSG
8358	7.9	25	Phùng Nguyễn Thanh	Như	x	9	Tốt	Tốt	HSG
8375	7.9	26	Nguyễn Hoàng	Phúc		8,5	Khá	Tốt	
8382	7.9	27	Lý Thanh	Phương	x	9,5	Tốt	Tốt	HSXS
8396	7.9	28	Nguyễn Hà Triệu	Quang		9,2	Tốt	Tốt	HSXS
8401	7.9	29	Nguyễn Hoàng	Quyên	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
8506	7.9	30	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú	x	7,7	Khá	Tốt	
8430	7.9	31	Lưu Quang	Thịnh		9,6	Tốt	Tốt	HSXS
8445	7.9	32	Bùi Ngọc Thanh	Thủy	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
8461	7.9	33	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	x	8,9	Tốt	Tốt	HSG
8455	7.9	34	Nguyễn Hoàng	Thương		6,8	Đạt	Tốt	
8471	7.9	35	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Trâm	x	8	Khá	Tốt	
8486	7.9	36	Nguyễn Lê Bảo	Trân	x	8,7	Tốt	Tốt	HSG
		37	Huỳnh Thanh	Tri					Chuyển đến 24-25
8491	7.9	38	Nguyễn Bảo Phương	Trinh	x	8,8	Tốt	Tốt	HSG
8521	7.9	39	Dương Ngọc Khởi	Vy	x	9	Tốt	Tốt	HSG
8526	7.9	40	Đỗ Ngọc Tường	Vy	x	8,1	Đạt	Tốt	
8532	7.10	41	Hà Ngọc Phương	Vy	x	7,1	Đạt	Tốt	
8531	7.9	42	Phạm Hồng	Xuân	x	9,1	Tốt	Tốt	HSG
8546	7.9	43	Tsàn Mỹ	Yến	x	9,6	Tốt	Tốt	HSXS